

Hải Phòng, ngày 26 tháng 11 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ (SỐ TM 1126.1)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Phụ Sản có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm gói thầu dự kiến: Mua sắm Hóa chất xét nghiệm của Bệnh viện Phụ Sản năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận nghiệp vụ Dược- Khoa Dược- Bệnh viện Phụ Sản (Số 19 Trần Quang Khải, Hồng Bàng, Hải Phòng)
Địa chỉ email: tmsduoc.bvps24@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 26 tháng 11 năm 2024 đến trước 17h ngày 10 tháng 12 năm 2024
(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa: (Phụ lục hàng hóa đính kèm)
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại bảng sau:

Yêu cầu về địa điểm cung cấp	- Khoa Dược – Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng. - Địa chỉ: Số 19 đường Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
------------------------------	--

Yêu cầu vận chuyển	- Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng
--------------------	---

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4. Yêu cầu về báo giá: Nhà thầu gửi Yêu cầu báo giá (01 bản) đầy đủ các thông tin hàng hóa.
5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không. *u*

Nơi nhận:

- Nơi kính gửi;
- Lưu: TMSKD.



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
PGS.TS.BS *Vũ Văn Lâm*

PHỤ LỤC

STT	Tên hàng hoá hoặc tương đương	Số lượng	Đơn vị tính	Thông tin sản phẩm
1	Rubella IgG	1	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng thể IgG kháng vi rút Rubella trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng IgG người đánh dấu biotin, Phân đoạn kháng thể đơn dòng kháng Rubella đánh dấu ruthenium Tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương
2	Rubella IgM	1	Hộp	Hóa chất định tính kháng thể IgM kháng virut Rubella Thành phần: Kháng thể kháng Rubella đánh dấu phức hợp ruthenium > 400 ng/mL Tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương
3	LH G2 CS Elecsys	1	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng LH Thành phần: LH với hai khoảng nồng độ trong huyết thanh người. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương.
4	Progesteron G3 CS Elecsys	1	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Progesteron Thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng progesterone đánh dấu biotin, Progesterone kết hợp với một peptide tổng hợp đánh dấu phức hợp ruthenium Tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương.
5	Prolactin G2 CS Elecsys	1	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Prolactin Thành phần: Prolactin với hai khoảng nồng độ Tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương.

H PH
NH VI
HỤ SẢ
★

STT	Tên hàng hoá hoặc tương đương	Số lượng	Đơn vị tính	Thông tin sản phẩm
6	Ferritin CS Elecsys V2	1	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Ferritin Thành phần: Ferritin với hai khoảng nồng độ trong huyết thanh người. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương.
7	Estradiol G3 CS Elecsys	1	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Estradiol. Thành phần: Estradiol (tổng hợp) với hai khoảng nồng độ. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương.
8	FT3 G3 cobas e 200T	3	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodthyronine tự do (FT3) trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần: Kháng thể đa dòng kháng T3 đánh dấu phức hợp ruthenium Tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương
9	cobas 4800 System Wash Buffer 240 tests	1	Hộp	Hóa chất rửa đệm hệ thống Thành phần chính: Natri citrate dihydrate, N-Methylisothiazolone HCl Quy cách: 240 test/hộp Tiêu chuẩn : CE-IVD, ISO 13485 hoặc tương đương
10	CHOL2 cobas c111	1	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol Thành phần: R1 Đệm PIPES: 225 mmol/L, pH 6.8; Mg ²⁺ : 10 mmol/L; natri cholate: 0.6 mmol/L; 4 aminoantipyrine: ≥ 0.45 mmol/L; phenol: ≥ 12.6 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 3 %; CE (Pseudomonas spec.): ≥ 25 µkat/L (≥ 1.5 U/mL); CHOD (E. coli): ≥ 7.5 µkat/L (≥ 0.45 U/mL); POD (củ cải): ≥ 12.5 µkat/L (≥ 0.75 U/mL); chất ổn định; chất bảo quản

STT	Tên hàng hoá hoặc tương đương	Số lượng	Đơn vị tính	Thông tin sản phẩm
11	UREAL cobas c111	1	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm Ure Thành phần: R1 Đệm TRIS: 220 mmol/L, pH 8.6; 2 oxoglutarate: 73 mmol/L; NADH: 2.5 mmol/L; ADP: 6.5 mmol/L; urease (đậu): $\geq$ 300 μ kat/L; GLDH (gan bò): $\geq$ 80 μ kat/L; chất bảo quản



